

Ảnh hưởng của thu hồi đất đến việc làm và thu nhập hộ gia đình: Gợi ý chính sách hỗ trợ sinh kế bền vững

Võ Thùy Út Hằng^{1,2}, Lê Hoài Long^{1,2*}, Nguyễn Anh Thư^{1,2}, Huỳnh Nhật Minh^{1,2}

¹ Khoa Kỹ Thuật Xây Dựng, Trường Đại học Bách Khoa Thành phố Hồ Chí Minh

² Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

TỪ KHOÁ

Thu hồi đất
Giải phóng mặt bằng
Sinh kế người dân
Tái định cư
Chính sách

TÓM TẮT

Nghiên cứu phân tích ảnh hưởng của thu hồi đất đến việc làm và thu nhập hộ gia đình thông qua khảo sát thực nghiệm. Kết quả cho thấy sinh kế của người dân phụ thuộc lớn vào kinh doanh nhỏ và nông nghiệp, nên dễ bị gián đoạn khi bị thu hồi đất. Quy mô, loại đất và tình trạng pháp lý là các yếu tố có liên quan mật thiết đến cuộc sống, sinh kế của người dân. Sau tái định cư, thách thức lớn nhất là chuyển đổi nghề nghiệp và suy giảm thu nhập, trong khi điều kiện sống ít biến động hơn. Nghiên cứu đề xuất cần chuyển từ bồi thường tài sản sang hỗ trợ sinh kế bền vững.

KEYWORDS

Land acquisition
Site clearance
Household livelihoods
Resettlement
Policy

ABSTRACT

This study examines the impacts of land acquisition on household employment and income using survey data. The findings show that livelihoods heavily depend on small businesses and agriculture, making households highly vulnerable to disruption when land is acquired. Land size, type, and legal status are closely associated with the living conditions and livelihoods of affected households. Post-resettlement, the greatest challenge is job transition and income decline, while living conditions remain relatively stable. The study suggests shifting from asset-based compensation toward sustainable livelihood support policies.

1. Giới thiệu

Trong bối cảnh Việt Nam đang bước vào giai đoạn tăng tốc phát triển hạ tầng, nhu cầu thu hồi đất để phục vụ các dự án giao thông, năng lượng và đô thị ngày càng gia tăng. Theo các dự báo về nhu cầu đầu tư hạ tầng đến năm 2040, Việt Nam cần nguồn vốn lên tới hàng trăm tỷ USD, trong đó riêng lĩnh vực giao thông đường bộ đã chiếm khoảng 134 tỷ USD (*Theo nguồn Global Infrastructure Outlook, 2023 Dự báo nhu cầu đầu tư cơ sở hạ tầng của Việt Nam giai đoạn 2016–2040*). Điều này kéo theo áp lực lớn đối với công tác giải phóng mặt bằng (GPMB), vốn được xem là khâu tiên quyết quyết định tiến độ và hiệu quả của các dự án đầu tư. Sự gia tăng mạnh mẽ của dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và đầu tư công trong giai đoạn gần đây đã làm gia tăng số lượng các dự án cần thu hồi đất trên diện rộng. Các dự án như cao tốc Bắc – Nam, sân bay Long Thành hay hệ thống hạ tầng năng lượng không chỉ đòi hỏi diện tích đất lớn mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của hàng nghìn hộ dân. Điều này đặt ra thách thức trong việc cân bằng giữa mục tiêu phát triển kinh tế và đảm bảo ổn định xã hội.

Trên thực tế, công tác thu hồi đất tại Việt Nam vẫn còn tồn tại nhiều bất cập, đặc biệt liên quan đến vấn đề bồi thường, tái định cư và phục hồi sinh kế. Nhiều nghiên cứu và báo cáo thực tiễn cho thấy khiếu nại liên quan đến đất đai vẫn chiếm tỷ lệ cao trong tổng số đơn thư hành chính (Theo Bộ Tài nguyên và Môi trường, tỷ lệ này thường xuyên ở mức trên 60 % đến 70 %, thậm chí có giai đoạn lên tới gần 70 % tổng số đơn

thư khiếu nại của cả nước), phản ánh mức độ nhạy cảm và phức tạp của lĩnh vực này. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ sự chênh lệch giữa giá bồi thường và giá thị trường, thiếu minh bạch trong quy trình, cũng như hạn chế trong các chính sách hỗ trợ sau tái định cư. Một trong những vấn đề nổi bật nhưng chưa được quan tâm đúng mức là tác động của thu hồi đất đến việc làm và thu nhập của hộ gia đình. Trong nhiều trường hợp, mặc dù người dân được bồi thường về tài sản, nhưng sinh kế lâu dài lại không được đảm bảo, dẫn đến nguy cơ suy giảm thu nhập và gia tăng bất ổn kinh tế xã hội. Điều này càng trở nên nghiêm trọng trong bối cảnh phần lớn người dân tại các khu vực bị thu hồi đất phụ thuộc vào nông nghiệp hoặc các hoạt động kinh tế phi chính thức gắn với địa điểm.

Xuất phát từ thực tiễn trên, nghiên cứu này nhằm phân tích ảnh hưởng của thu hồi đất đến việc làm và thu nhập của hộ gia đình, thông qua việc xem xét cơ cấu sinh kế, đặc điểm đất bị thu hồi và các tác động sau tái định cư. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất các hàm ý chính sách hướng đến đời sống được phát triển bền vững cho người dân, góp phần giảm thiểu tác động tiêu cực và nâng cao hiệu quả của công tác GPMB trong bối cảnh phát triển hiện nay.

2. Tổng quan nghiên cứu

2.1. Thu hồi đất và phát triển hạ tầng

Trên thế giới, thu hồi đất là một công cụ quan trọng nhằm phục vụ phát triển hạ tầng và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, nhiều

*Liên hệ tác giả: lehoailong@hcmut.edu.vn

Nhận ngày 12/05/2026, sửa xong ngày 04/06/2026, chấp nhận đăng ngày 05/06/2026

Link DOI: <https://doi.org/10.54772/jomc.04.2026.1389>

nghiên cứu đã chỉ ra rằng các dự án phát triển đô thị và hạ tầng thường tạo ra xung đột lợi ích giữa các bên liên quan, đặc biệt là giữa nhà đầu tư và người dân bị thu hồi đất. Trong khi các dự án mang lại lợi ích kinh tế vĩ mô, chúng cũng có thể gây ra các tác động tiêu cực về mặt xã hội, bao gồm di dời cư dân, mất sinh kế và gia tăng bất bình đẳng.

Trong bối cảnh Việt Nam, tốc độ đô thị hóa nhanh và nhu cầu đầu tư hạ tầng lớn đã làm gia tăng đáng kể quy mô và tần suất thu hồi đất. Theo kế hoạch phát triển, Việt Nam đặt mục tiêu hoàn thiện hàng nghìn km đường cao tốc và mở rộng các khu công nghiệp, khu đô thị trong giai đoạn đến năm 2030. Điều này dẫn đến việc hàng loạt hộ gia đình phải di dời và thay đổi môi trường sống.

2.2. Tác động của thu hồi đất đến sinh kế hộ gia đình

Một trong những chủ đề được quan tâm nhiều trong nghiên cứu quốc tế là tác động của thu hồi đất đến sinh kế của người dân. Các nghiên cứu cho thấy việc mất đất, đặc biệt là đất nông nghiệp, có thể dẫn đến mất nguồn thu nhập chính và làm gia tăng nguy cơ nghèo hóa nếu không có các chính sách hỗ trợ phù hợp. Các bằng chứng thực nghiệm cho thấy, mặc dù chính sách bồi thường bằng tiền có thể giúp người dân cải thiện điều kiện sống trong ngắn hạn, nhưng về dài hạn lại có thể dẫn đến sự suy giảm sinh kế nếu không đi kèm với các chương trình hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm [1],[2]. Ngoài ra, việc sử dụng tiền bồi thường để chuyển dịch sang khu vực đô thị có thể làm mất cân bằng dòng chảy nguồn lực giữa nông thôn và thành thị, gây ra những hệ quả kinh tế – xã hội phức tạp.

Trong bối cảnh Việt Nam, nơi mà một tỷ lệ lớn lao động vẫn phụ thuộc vào nông nghiệp và khu vực phi chính thức, tác động của thu hồi đất đến sinh kế càng trở nên rõ nét. Việc mất đất không chỉ làm giảm thu nhập mà còn làm suy yếu các mạng lưới xã hội và cơ hội việc làm truyền thống.

2.3. Vai trò của bồi thường, tái định cư và chính sách hỗ trợ

Các nghiên cứu và khung chính sách quốc tế như của Ngân hàng Thế giới (ESS5) [3] hay Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) [4] đều nhấn mạnh nguyên tắc bồi thường theo giá thay thế và phục hồi sinh kế cho người dân bị ảnh hưởng. Điều này cho thấy việc bồi thường không chỉ dừng lại ở giá trị tài sản mà cần đảm bảo người dân có thể duy trì hoặc cải thiện mức sống sau khi bị thu hồi đất.

Tại Việt Nam, khung pháp lý về bồi thường và tái định cư đã có nhiều cải thiện, đặc biệt với Luật Đất đai 2024 [5] và các nghị định hướng dẫn liên quan [6], [7], [8]. Tuy nhiên, khoảng cách giữa chính sách và thực tiễn vẫn còn tồn tại, đặc biệt trong việc đảm bảo sinh kế lâu dài cho người dân. Nhiều nghiên cứu cũng chỉ ra rằng các yếu tố như minh bạch thông tin, tham vấn cộng đồng và niềm tin vào chính quyền đóng vai trò quan trọng trong việc giảm xung đột và nâng cao hiệu quả GPMB. Điều này gợi ý rằng chính sách hỗ trợ cần được thiết kế theo hướng toàn diện, kết hợp giữa kinh tế, xã hội và thể chế.

Mặc dù đã có nhiều nghiên cứu về thu hồi đất và bồi thường, phần lớn các nghiên cứu tập trung vào khía cạnh pháp lý hoặc kinh tế vĩ mô, trong khi các phân tích vi mô về tác động đến việc làm và thu nhập hộ gia đình vẫn còn hạn chế, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam. Các nghiên cứu cũng chưa xem xét đầy đủ mối quan hệ giữa đặc điểm đất bị thu hồi (diện tích, loại đất, pháp lý) và mức độ ảnh hưởng đến sinh kế [9]. Đây là khoảng trống quan trọng cần được bổ sung nhằm cung cấp cơ sở thực tiễn cho việc thiết kế chính sách hỗ trợ phù hợp.

Trên cơ sở tổng quan, nghiên cứu này tập trung vào việc phân tích cơ cấu thu nhập và đặc điểm sinh kế của hộ gia đình bị thu hồi đất; đánh giá tác động của thu hồi đất đến việc làm và thu nhập; xác định các yếu tố có xu hướng ảnh hưởng đến sinh kế; đề xuất các hàm ý chính sách nhằm ổn định đời sống, giúp người dân có cuộc sống bằng hoặc tốt hơn ở nơi ở cũ.

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp tiếp cận định lượng theo hướng khảo sát cắt ngang (cross-sectional survey), nhằm thu thập và phân tích dữ liệu về đặc điểm hộ gia đình, tình trạng thu hồi đất và các tác động đến việc làm, thu nhập sau tái định cư [10]. Cách tiếp cận này phù hợp với mục tiêu đánh giá thực trạng và xác định mức độ ảnh hưởng của thu hồi đất đến sinh kế của người dân trong bối cảnh cụ thể. Phương pháp phân tích chủ yếu là thống kê mô tả, cho phép phản ánh bức tranh tổng thể về cơ cấu thu nhập, đặc điểm đất bị thu hồi và các thay đổi trong điều kiện sống của hộ gia đình. Cách tiếp cận này được lựa chọn nhằm đảm bảo tính trực quan, dễ diễn giải và phù hợp với mục tiêu đề xuất chính sách.

Dữ liệu nghiên cứu được thu thập thông qua khảo sát trực tiếp các hộ gia đình bị ảnh hưởng bởi thu hồi đất tại khu vực nghiên cứu. Bảng hỏi được thiết kế dựa trên các nội dung chính liên quan bao gồm: thông tin chung của hộ gia đình, cơ cấu nguồn thu nhập trước khi thu hồi đất, đặc điểm đất bị thu hồi (diện tích, loại đất, tình trạng pháp lý), các tác động sau tái định cư (việc làm, thu nhập, điều kiện sống, giáo dục và hòa nhập xã hội). Các câu hỏi được thiết kế theo dạng lựa chọn (multiple choice) kết hợp với một số câu hỏi đánh giá, nhằm đảm bảo tính nhất quán và thuận tiện trong xử lý dữ liệu. Đối tượng khảo sát là các hộ gia đình đã và đang bị ảnh hưởng bởi các dự án thu hồi đất, đảm bảo phản ánh đúng thực trạng của nhóm nghiên cứu mục tiêu.

Dữ liệu sau khi thu thập được mã hóa và xử lý bằng các công cụ thống kê cơ bản. Phương pháp phân tích chính là thống kê mô tả, bao gồm: tính toán tần suất và tỷ lệ phần trăm, so sánh giữa các nhóm hộ theo đặc điểm sinh kế và đất đai, phân tích xu hướng tác động của thu hồi đất đến việc làm và thu nhập. Nghiên cứu sử dụng 200 bảng hỏi hợp lệ thu thập từ các hộ gia đình bị thu hồi đất thông qua khảo sát trực tiếp tại khu tái định cư Sân bay Long Thành Lộ An – Bình Sơn thuộc địa bàn tỉnh Đồng Nai. Đồng Nai được lựa chọn do là địa phương tập trung nhiều dự án hạ tầng trọng điểm, tiêu biểu cho các khu vực chịu áp lực thu hồi đất tại Việt Nam.

4. Kết quả

4.1. Cơ cấu nguồn thu nhập của hộ gia đình bị thu hồi đất

Kết quả khảo sát cho thấy cơ cấu nguồn thu nhập của các hộ gia đình bị thu hồi đất có sự đa dạng đáng kể. Trong đó, nhóm hộ có thu nhập từ hoạt động kinh doanh, buôn bán chiếm tỷ lệ cao nhất (29 %). Điều này phản ánh đặc trưng kinh tế của khu vực nghiên cứu, nơi các hoạt động thương mại nhỏ lẻ, dịch vụ và kinh doanh hộ gia đình đóng vai trò chủ đạo. Tuy nhiên, đây cũng là nhóm dễ bị tổn thương khi thu hồi đất, do sinh kế của họ phụ thuộc nhiều vào vị trí địa lý và khả năng tiếp cận khách hàng. Việc di dời có thể làm gián đoạn hoạt động kinh doanh hoặc làm mất đi lợi thế cạnh tranh sẵn có.

Nhóm hộ có thu nhập từ nông nghiệp chiếm 26 %, cho thấy sản xuất nông nghiệp vẫn là nguồn sinh kế quan trọng đối với một bộ phận lớn dân cư. Việc thu hồi đất nông nghiệp có thể dẫn đến mất nguồn thu nhập trực tiếp, đồng thời làm gia tăng áp lực chuyển đổi nghề nghiệp trong bối cảnh kỹ năng lao động còn hạn chế. Các nhóm thu nhập khác như lao động thời vụ, làm thuê hoặc các hoạt động phi chính thức chiếm 18 %. Đây là nhóm có thu nhập không ổn định, dễ bị tổn thương trước các cú sốc kinh tế - xã hội, bao gồm cả việc thay đổi nơi ở và việc làm do thu hồi đất. Nhóm nghề tự do chiếm 15 %, thường phụ thuộc vào thị trường lao động linh hoạt, do đó việc di dời có thể làm suy giảm khả năng tiếp cận cơ hội việc làm. Trong khi đó, nhóm có thu nhập từ tiền lương hàng tháng chiếm tỷ lệ thấp nhất (12 %) nhưng có mức độ ổn định cao hơn, do đó chịu tác động trực tiếp ít hơn, mặc dù vẫn có thể bị ảnh hưởng gián tiếp thông qua chi phí sinh hoạt hoặc khoảng cách đi lại gia tăng.

Tổng thể, cơ cấu thu nhập cho thấy phần lớn hộ gia đình phụ thuộc vào các nguồn sinh kế gắn với đất đai hoặc vị trí kinh doanh, hàm ý rằng thu hồi đất có thể gây ra những tác động đáng kể đến thu nhập và việc làm của người dân.

4.2. Quy mô diện tích đất bị thu hồi và mức độ tác động

Kết quả khảo sát cho thấy diện tích đất bị thu hồi phân bố tương đối đa dạng giữa các hộ gia đình. Nhóm diện tích từ 500–1000 m² chiếm tỷ lệ cao nhất (31 %), đại diện cho các hộ có quy mô đất trung bình, phổ biến tại các khu vực ven đô. Việc thu hồi diện tích ở mức này có thể gây ảnh hưởng đến sinh kế, đặc biệt đối với các hộ sản xuất nông nghiệp hoặc kinh doanh nhỏ. Nhóm diện tích từ 1000–3000 m² chiếm 25 %, phản ánh sự tồn tại của các hộ sở hữu quy mô đất lớn hơn. Đối với nhóm này, việc thu hồi đất không chỉ làm giảm đáng kể nguồn thu nhập mà còn ảnh hưởng đến các kế hoạch sản xuất dài hạn, do đó yêu cầu các chính sách hỗ trợ chuyển đổi sinh kế ở mức độ cao hơn. Các hộ có diện tích dưới 500 m² chiếm 18 %, thường liên quan đến đất ở. Mặc dù diện tích thu hồi không lớn, nhưng tác động đến đời sống lại mang tính trực tiếp do liên quan đến nơi cư trú. Nhóm diện tích từ 3000–5000 m² (16 %) và trên 5000 m² (10 %) tuy chiếm tỷ lệ thấp hơn nhưng thường gắn với hoạt động sản xuất quy mô lớn, do đó việc thu

hồi đất ở các trường hợp này có thể dẫn đến biến động mạnh về kinh tế hộ gia đình.

Nhìn chung, diện tích thu hồi tập trung chủ yếu ở nhóm trung bình và lớn, cho thấy nhu cầu thiết kế chính sách bồi thường và hỗ trợ cần được phân hóa theo quy mô đất nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến sinh kế.

4.3. Loại đất bị thu hồi và hàm ý về sinh kế

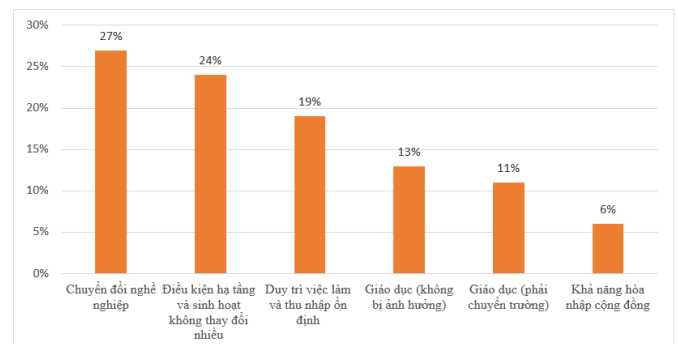
Phân tích theo loại đất cho thấy đất phi nông nghiệp chiếm tỷ lệ cao nhất (55 %). Đây thường là đất ở hoặc đất phục vụ hoạt động kinh doanh, có giá trị kinh tế cao và gắn trực tiếp với sinh kế của hộ gia đình. Việc thu hồi nhóm đất này không chỉ ảnh hưởng đến thu nhập mà còn liên quan đến vấn đề tái định cư và ổn định đời sống. Đất nông nghiệp chiếm 40 %, phản ánh sự phụ thuộc đáng kể của người dân vào sản xuất nông nghiệp. Việc thu hồi loại đất này có thể dẫn đến mất sinh kế truyền thống, đòi hỏi các chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm thay thế. Trong khi đó, đất chưa sử dụng chỉ chiếm 5 %, cho thấy nhóm này ít ảnh hưởng đến sinh kế và thường không phải là trọng tâm của các chính sách hỗ trợ.

4.4. Tình trạng pháp lý đất đai và rủi ro trong bồi thường

Kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ hộ chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chiếm cao nhất (39 %). Đây là nhóm dễ gặp khó khăn trong quá trình bồi thường do thiếu cơ sở pháp lý rõ ràng, dẫn đến nguy cơ phát sinh tranh chấp và khiếu nại. Nhóm có giấy tờ khác (33 %) có thể được xem xét bồi thường nhưng vẫn tồn tại rủi ro về mức độ công nhận pháp lý. Trong khi đó, chỉ 28 % hộ có giấy chứng nhận đầy đủ, là nhóm có điều kiện thuận lợi hơn trong quá trình bồi thường và tái định cư.

Kết quả này cho thấy hạn chế trong quản lý đất đai và nhấn mạnh sự cần thiết của việc hoàn thiện hồ sơ pháp lý để đảm bảo quyền lợi cho người dân.

4.5. Ảnh hưởng của tái định cư đến việc làm và đời sống



Hình 1. Biểu đồ Yếu tố tác động chuyển đến nơi ở mới đối với hộ dân.

Kết quả khảo sát cho thấy tác động lớn nhất của việc chuyển đến nơi ở mới là yêu cầu chuyển đổi nghề nghiệp (27 %). Điều này phản

ánh sự gián đoạn đáng kể trong sinh kế của người dân sau thu hồi đất. Khoảng 24 % số hộ cho rằng điều kiện hạ tầng và sinh hoạt không thay đổi nhiều, cho thấy công tác tái định cư phần nào đáp ứng nhu cầu cơ bản. Tuy nhiên, chỉ 19 % hộ duy trì được việc làm và thu nhập ổn định, thấp hơn đáng kể so với nhóm bị ảnh hưởng, cho thấy rủi ro sinh kế vẫn ở mức cao. Các yếu tố như giáo dục (13 % không bị ảnh hưởng, 11 % phải chuyển trường) và khả năng hòa nhập cộng đồng (6 %) có mức độ tác động thấp hơn. Điều này hàm ý rằng các vấn đề xã hội có thể được kiểm soát tốt hơn so với các vấn đề kinh tế.

5. Thảo luận và gợi ý định hướng xây dựng chính sách

Kết quả nghiên cứu cho thấy thu hồi đất có tác động mạnh mẽ đến sinh kế hộ gia đình, đặc biệt đối với các nhóm phụ thuộc vào đất đai và vị trí kinh doanh. Kết quả này phù hợp với các nghiên cứu quốc tế cho thấy các hộ phụ thuộc vào đất và vị trí kinh doanh có mức độ

tổn thương cao hơn. Điều này có thể được giải thích bởi việc sinh kế của các hộ này gắn chặt với không gian địa lý, khiến việc di dời làm gián đoạn chuỗi giá trị sinh kế. Trong khi các yếu tố về hạ tầng và xã hội có thể được cải thiện thông qua tái định cư, thì việc làm và thu nhập vẫn là thách thức lớn nhất.

Do đó, các chính sách bồi thường và hỗ trợ cần chuyển từ cách tiếp cận bồi thường tài sản sang tiếp cận toàn diện về sinh kế. Cụ thể, cần ưu tiên các giải pháp như đào tạo nghề, hỗ trợ chuyển đổi việc làm, phát triển kinh tế địa phương và tạo cơ hội tiếp cận thị trường lao động mới. Đồng thời, chính sách cần được thiết kế linh hoạt theo đặc điểm từng nhóm hộ (theo nguồn thu nhập, quy mô đất và tình trạng pháp lý) nhằm đảm bảo tính công bằng và hiệu quả [3], [4], [11].

Bên cạnh đó, chính quyền cần xây dựng phương án theo dõi sự phục hồi sinh kế sau tái định cư để nắm bắt kịp thời tình trạng thực tế của người dân sau khi có sự thay đổi về chỗ ở và công việc làm thông qua các chỉ số trong Bảng 1.

Bảng 1. Chỉ số theo dõi sự phục hồi sinh kế sau tái định cư.

Sinh kế - Kinh tế	Việc làm-chuyển đổi nghề nghiệp	Điều kiện sống- hạ tầng	Giáo dục-trẻ em	Xã hội - cộng đồng
- Thu nhập bình quân hộ; - Tỷ lệ hộ có việc làm ổn định; - Cơ cấu nguồn thu nhập; - Tỷ lệ hộ nghèo/ cận nghèo.	- Tỷ lệ hộ chuyển đổi nghề nghiệp; - Mức độ phù hợp công việc mới; - Thu nhập từ nghề mới; - Tỷ lệ duy trì nghề ≥ 3 năm.	- Chất lượng nhà ở; - Tiếp cận điện, nước, vệ sinh; - Khoảng cách đến dịch vụ thiết yếu (trường học, y tế, chợ, giao thông); - Mức độ hài lòng về hạ tầng.	- Tỷ lệ trẻ em đi học đúng độ tuổi; - Tỷ lệ hoàn thành bậc học; - Tỷ lệ chuyển trường; - Kết quả học tập.	- Mức độ hòa nhập cộng đồng; - Tỷ lệ tham gia hoạt động cộng đồng; - Mức độ hài lòng về cuộc sống; - Tình trạng xung đột, khiếu nại.

Bảng 2. Xác định mức độ ổn định sinh kế.

Mức độ	Tiêu chí xác định
Ổn định bền vững	- Thu nhập bình quân tăng ≥ 20 % so với trước tái định cư; - 70-80 % hộ có việc làm/nguồn thu nhập ổn định ≥ 3 năm; - Tỷ lệ hộ nghèo < 10 % và duy trì ≤ 3 năm liên tiếp.
Ổn định tương đối	- Thu nhập ổn định nhưng chưa tăng rõ rệt; - 50-79 % hộ có việc làm/nguồn thu nhập ổn định; - Tỷ lệ hộ nghèo 10-20 %.
Chưa ổn định	- Thu nhập bấp bênh, phụ thuộc hỗ trợ; - < 50 % hộ có việc làm ổn định; - Tỷ lệ hộ nghèo > 20 % hoặc tăng dần.
Rủi ro cao	- Mất sinh kế, thu nhập giảm liên tục; - Tỷ lệ tái nghèo cao; - Gia tăng khiếu nại, xung đột, di cư.

Nghiên cứu đề xuất, xem một cộng đồng đạt mức ổn định bền vững khi phần lớn hộ gia đình có việc làm và nguồn thu nhập ổn định

trong thời gian từ 3 năm trở lên với khung đánh giá đề xuất, theo *DFID (1999) Tài liệu hướng dẫn khung sinh kế bền vững*. London: Bộ Phát triển Quốc tế Vương quốc Anh.

6. Kết luận

Nghiên cứu đã cung cấp bằng chứng thực nghiệm về ảnh hưởng của thu hồi đất đến việc làm và thu nhập của hộ gia đình thông qua phân tích cơ cấu sinh kế, đặc điểm đất bị thu hồi và các tác động sau tái định cư. Kết quả cho thấy thu hồi đất không chỉ là vấn đề chuyển dịch quyền sử dụng đất mà còn kéo theo những biến động sâu sắc về kinh tế – xã hội đối với các hộ bị ảnh hưởng.

Về cơ cấu thu nhập của các hộ gia đình cho thấy mức độ phụ thuộc lớn vào các hoạt động kinh tế gắn với đất đai và vị trí địa lý, đặc biệt là kinh doanh nhỏ lẻ và nông nghiệp. Điều này khiến một bộ phận đáng kể hộ dân dễ bị tổn thương khi bị thu hồi đất, do mất đi nguồn sinh kế trực tiếp hoặc lợi thế kinh doanh. Nhóm có thu nhập ổn định từ tiền lương tuy ít bị ảnh hưởng hơn, nhưng vẫn chịu tác động gián tiếp từ sự thay đổi điều kiện sống. Về quy mô và loại đất bị thu hồi có ảnh hưởng đáng kể đến mức độ tác động đến sinh kế. Các hộ có diện tích đất trung bình và lớn, cũng như các hộ sử dụng đất cho mục đích

sản xuất hoặc kinh doanh, chịu tác động mạnh hơn do mất nguồn thu nhập dài hạn. Đồng thời, tỷ lệ cao các hộ chưa có đầy đủ giấy tờ pháp lý làm gia tăng rủi ro trong quá trình bồi thường và tái định cư, góp phần làm trầm trọng thêm các vấn đề xã hội. Khía cạnh về sự tác động của tái định cư thể hiện rõ nhất ở khía cạnh việc làm và thu nhập. Việc phải chuyển đổi nghề nghiệp là thách thức lớn nhất đối với người dân, trong khi khả năng duy trì việc làm ổn định còn hạn chế. Mặc dù điều kiện hạ tầng tại nơi ở mới được đánh giá tương đối tích cực, nhưng điều này chưa đủ để bù đắp cho những gián đoạn trong sinh kế.

Từ các kết quả trên, nghiên cứu nhấn mạnh rằng các chính sách bồi thường và hỗ trợ cần chuyển từ cách tiếp cận dựa trên tài sản sang cách tiếp cận dựa trên sinh kế bền vững. Cụ thể, cần thiết kế các chương trình hỗ trợ phù hợp với từng nhóm hộ, bao gồm đào tạo nghề, hỗ trợ tìm kiếm việc làm, phát triển sinh kế phi nông nghiệp và tăng cường khả năng thích ứng của người dân. Đồng thời, việc cải thiện tính minh bạch và hoàn thiện hệ thống pháp lý đất đai cũng đóng vai trò quan trọng trong việc giảm thiểu xung đột [12] và nâng cao hiệu quả của công tác thu hồi đất.

Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng có một số hạn chế nhất định. Do sử dụng phương pháp khảo sát cắt ngang và phân tích mô tả, nghiên cứu chưa làm rõ được mối quan hệ nhân quả giữa các yếu tố. Ngoài ra, các yếu tố thể chế và hành vi của người dân chưa được phân tích sâu. Đây là những hướng nghiên cứu tiềm năng cần được tiếp tục khai thác trong tương lai nhằm hoàn thiện hơn khung phân tích về thu hồi đất và sinh kế. Tóm lại, thu hồi đất là một quá trình tất yếu trong phát triển, nhưng để đảm bảo tính bền vững và công bằng xã hội, cần đặt sinh kế của người dân vào trung tâm của quá trình hoạch định chính sách.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Fujikura, R. và Nakayama, M., “Tác động dài hạn của các chương trình tái định cư do các dự án xây dựng đập tại Indonesia, Nhật Bản, Lào, Sri Lanka và Thổ Nhĩ Kỳ: so sánh giữa hình thức bồi thường bằng đất đổi đất và bồi thường bằng tiền”, *Tạp chí Phát triển Tài nguyên Nước Quốc tế*, 29(1), tr. 4–13, 2013.
- [2]. Phạm Hữu Tý, “Kết quả dài hạn về sinh kế của các hộ gia đình bị di dời sau khi xây dựng đập thủy điện: Nghiên cứu trường hợp tại tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Môi trường và Kinh tế - Xã hội*, 2023.
- [3]. World Bank, “Khung Môi trường và Xã hội: Tiêu chuẩn Môi trường và Xã hội số 5 (ESS5) về Thu hồi đất, Hạn chế sử dụng đất và Tái định cư không tự nguyện”, Washington DC: Ngân hàng Thế giới, 2017.
- [4]. Asian Development Bank (ADB), “Tuyên bố Chính sách An toàn”, Manila: Ngân hàng Phát triển Châu Á, 2009.
- [5]. Quốc hội, “Luật Đất đai số 31/2024/QH15”, Hà Nội, 2024.
- [6]. N. Đ. C. Phủ, “Nghị định số 88/2024/NĐ-CP quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất”, Hà Nội, 2024.
- [7]. N. Đ. C. Phủ, “Nghị định số 102/2024/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai”, Hà Nội, 2024.
- [8]. N. Đ. C. Phủ, “Nghị định số 71/2024/NĐ-CP quy định về giá đất”, Hà Nội, 2024.
- [9]. Nguyễn Thị Thu, “Tác động của thu hồi đất đến sinh kế của hộ gia đình tại thành phố Lào Cai”, *Tạp chí Dân tộc học và Tôn giáo học*, 2023.
- [10]. John W. Creswell, “Thiết kế nghiên cứu: Phương pháp định tính, định lượng và hỗn hợp” (ấn bản lần thứ 4), Thousand Oaks, California: Nhà xuất bản Sage Publications, 2014.
- [11]. Quốc hội, “Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013”, Hà Nội, 2013.
- [12]. Quốc hội, “Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13”, Hà Nội, 2011.